

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YL
TỈNH PT**

Bản án số: 29/2020/HS-ST
Ngày 28/8/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL TỈNH PT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn M.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Thu Tr.

- Ông Trần Quốc H.

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Cấn Trường Tr -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y l.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y l tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh H - Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y l, tỉnh P t. xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXX-ST ngày 17/8/2020 đối với bị cáo:

Hà Văn C - Sinh ngày: 26/6/1993; Tên gọi khác: Hà Đ C.

Nơi ĐKNKTT: xóm d, xã Xuân đ, huyện T s, tỉnh P t.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Bố đẻ: Hà Văn N, sinh năm 1970. Mẹ đẻ: Xa Thị Đ, sinh năm 1971; Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1994 (đã li hôn) con: 01 con sinh năm 2015. Hiện bố, mẹ, con đều ở khu xã Xuân đ, huyện T s, tỉnh P t;

Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 51/2017/HSST ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử và tuyên phạt C 30 tháng tù và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy ” theo quy định tại khoản 1, Điều 194 BLHS năm 1999. C đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 24/5/2017 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/12/2018. Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 11/5/2019, C chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 504/QĐ-XPHC ngày 29/4/2020 của Công an huyện Hoài Đ, thành phố Hà Nội đã xử phạt Hà Văn C 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác. Đến nay, C chưa chấp hành nộp phạt.

Bị can bị bắt tạm giữ ngày 29/5/2020, đến ngày 01/6/2020 thì chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y l.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1, Bà Hà Thị T, sinh năm 1963.

Trú tại: Khu Tr N, thị trấn Y l, huyện Y l, tỉnh P t.

2, Anh Sa Việt Đ, sinh năm 1993.

Trú tại: Xóm Vượng, xã Xuân đ, huyện T s, tỉnh P t.

- Người có QLNVLQ đến vụ án: Anh Lê Quang T, sinh năm 1993.

Trú tại: Xóm Vượng, xã Xuân đ, huyện T s, tỉnh P t.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản cáo trạng số: 34/CT-VKSYL - HS, ngày 14/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y l - tỉnh P t đã quyết định truy tố bị cáo Hà Văn C (Tức Hà Đ C) về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 175 Bộ luật hình sự, với các tình tiết phạm tội như sau:

Khoảng đầu tháng 3 năm 2020, Hà Văn C (*Tên gọi khác Hà Đ C*), sinh năm 1993, ở xóm d, xã Xuân đ, huyện T s, tỉnh P t đến thuê trọ tại phòng trọ của gia đình bà Hà Thị T, sinh năm 1963, ở khu Tr N, thị trấn Y l, huyện Y l để đi làm công nhân xây dựng tại thị trấn Y l (*Phòng trọ nằm trong khuôn viên nhà ở của bà T*).

Khoảng 15 giờ ngày 22/3/2020, C đang ở trong phòng trọ thì nhìn thấy cửa ngách từ bếp đi lên nhà chính của gia đình bà T mở, C quan sát nhà bà T không có ai ở nhà nên đã nảy sinh ý định sang nhà bà T để tìm tài sản trộm cắp. C đi sang vào trong nhà bà T thấy có 01 chiếc tủ gỗ kê ở tường bên trái (*cửa tủ không có khóa*), C mở cửa tủ thấy bên trong có 01 hộp kim loại đựng 01 sợi dây chuyền mỹ ký bằng kim loại màu vàng; 01 chiếc túi đeo giả da màu xanh bên trong có 3.758.000đ (*ba triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng*), C trộm cắp luôn 01 chiếc dây chuyền và 3.758.000đ đút vào túi quần, sau đó đóng cửa tủ lại và đi bộ ra ngoài đường, đi đến hiệu Vàng bạc Liên Xuân thuộc khu Tân An 2, thị trấn Y l, huyện Y l để bán chiếc dây chuyền nhưng không bán được thì C bắt xe tắc xi đi về nhà ở xã Xuân đ, huyện T s. Số tiền trộm cắp được C cho bà Ph Thị Lan (bà nội): 400.000 đồng, cho ông Sa Đình Trường (ông ngoại): 200.000 đồng, cho bà Xa Thị Đ (mẹ đẻ): 100.000 đồng và trả tiền hát Karaoke tại quán Karaoke của anh Lê Quang T, sinh năm 1993, ở xóm Vượng, xã Xuân đ, huyện T s hết 1.300.000đồng và chi tiêu cá nhân hết 1.400.000 đồng, C không nhớ được cụ thể đã chi tiêu vào những việc gì (*Khi bà Lan, ông Trường, bà Đ, anh T nhận số tiền C cho, trả tiền hát đều không biết đây là số tiền C trộm cắp được mà có*); Số tiền còn lại 358.000đ và sợi dây chuyền, C cất giữ trong người.

Đối với bà Hà Thị T sau khi đi làm về, đến 09 giờ ngày 23/3/2020 mở tủ thì phát hiện bị trộm cắp mất số tiền 3.758.000đ và 01 sợi dây chuyền mỹ ký bằng kim loại màu vàng, đã trình báo công an huyện Y l giải quyết.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã làm rõ Hà Đ C trộm cắp, thu giữ của C số tiền 358.000 đồng và 01 sợi dây chuyền mỹ ký bằng kim loại màu vàng, 01 chiếc mũ le màu trắng. Thu giữ của anh Lê Quang Tuyền số tiền 1.300.000 đồng.

Ngày 29/4/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Y l đã Trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y l để xác định giá trị sợi dây chuyền mỹ ký bằng kim loại màu vàng do C trộm cắp.

Tại biên bản định giá số 06 ngày 04/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y l đã định giá và kết luận: *giá trị 01 sợi dây chuyền mỹ ký bằng kim loại màu vàng tại thời điểm bị chiếm đoạt là: 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).*

Hành vi của Hà Văn C trộm cắp của gia đình bà Hà Thị T số tiền 3.758.000 đồng và 01 sợi dây chuyền mỹ ký bằng kim loại màu vàng trị giá 200.000 đồng. Tổng giá trị

tài sản Hà Văn C đã trộm cắp là 3.958.000 đồng. Hành vi của C đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Ngày 25/3/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Y 1, tỉnh P t đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Hà Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, C đã bỏ trốn khỏi địa phương, cơ quan c sát điều tra đã ra lệnh truy nã, đến ngày 29/5/2020 thì bắt được C và được áp dụng biện pháp tạm giam đối với C.

Tại Cơ quan điều tra, Hà Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của mình như trên và tự thú khai nhận ngày 11/5/2019 tại thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, C còn thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của anh Sa Việt Đ, sinh năm 1993, ở xóm Vượng, xã Xuân đ, huyện T s, tỉnh P t 01 chiếc xe mô tô BKS 19D1-109.68.

Căn cứ lời khai tự thú của C, ngày 30/3/2020 cơ quan c sát điều tra công an huyện Y 1 đã chuyển thông tin tội phạm cho cơ quan c sát điều tra công an huyện Thanh Sơn giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã làm rõ:

Ngày 10/5/2019, C ở thành phố Hà Nội đi xe khách về thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn. Khi về đến thị trấn Thanh Sơn thì C gặp anh Sa Việt Đ, sinh năm 1993, ở xóm Vượng, xã Xuân đ, huyện T s (là bạn của C) đang chăm sóc vợ điều trị tại Tr tâm Y tế huyện Thanh Sơn, C ở lại chơi cùng với anh Đ. Đến khoảng 6 giờ sáng ngày 11/5/2019, C thấy anh Đ có chiếc xe mô tô BKS 19D1-109.68 (Xe mô tô mang tên Triệu Tài Thả, anh Đ mua lại từ năm 2017 với giá 15.000.000 đồng, Anh Đ chưa sang tên đăng ký xe mô tô). C hỏi mượn Anh Đ xe mô tô đi về nhà và hẹn đến buổi chiều cùng ngày sẽ trả, anh Đ đồng ý. Mượn được xe mô tô, C điều khiển xe đi về nhà ở xóm d, xã Xuân đ, huyện T s. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày do có việc, C tiếp tục điều khiển xe mô tô đi về Hà Nội, khi đi đến khu vực bến xe Mỹ Đình, ở thành phố Hà Nội thì xe hết xăng, do không có tiền đổ xăng nên C dắt xe đi bộ. Khi C đang dắt xe đi bộ thì có hai người đàn ông khoảng 40 tuổi (C không biết họ tên, địa chỉ cụ thể, nên cơ quan điều tra không xác minh được) hỏi C “Dắt xe làm gì, có bán không?”, (Lúc này thấy có người hỏi mua xe nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt luôn chiếc xe mô tô của anh Đ bán lấy tiền), C trả lời “Bán thì bán nhưng xe không có giấy tờ”. Người đàn ông nói “Xe không giấy tờ thì 1.500.000 đồng”. C đồng ý và bán chiếc xe mô tô BKS 19D1-109.68 mượn được của anh Đ cho người đàn ông này với giá 1.500.000 đồng. Số tiền bán xe C đã chi tiêu cá nhân hết. Sau khi chiếm đoạt bán chiếc xe mô tô của anh Đ, C không liên lạc gì với anh Đ, đến nay C không có khả năng trả lại giá trị chiếc xe mô tô cho anh Đ, chiếc xe mô tô BKS 19D1-109.68 cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với anh Đ đến buổi chiều ngày 11/5/2019 không thấy C đem xe trả, anh Đ đã điện thoại liên lạc với C nhưng C không nghe máy, anh Đ đã nhiều lần đến nhà C tìm C để đòi lại xe mô tô nhưng không gặp được C, biết C đã chiếm đoạt mất chiếc xe mô tô BKS 19D1-109.68 nhưng anh Đ không trình báo; đến ngày 30/3/2020 anh Đ được cơ quan c sát điều tra công an huyện Thanh Sơn mời làm việc; anh Đ đã làm đơn đề nghị xử lý C trước pháp luật.

Ngày 30/3/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Sơn đã Trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Sơn định giá chiếc xe mô tô BKS 19D1-109.68 do C chiếm đoạt của anh Đ ngày 11/5/2019. Tại bản kết luận định giá tài sản số 19

ngày 30/3/2020 của hội đồng định giá tài sản huyện Thanh Sơn kết luận: *giá trị của chiếc xe mô tô tại thời điểm bị chiếm đoạt là 10.000.000VNĐ (mười triệu đồng).*

Hành vi của Hà Văn C mượn của anh Đ chiếc xe mô tô BKS 19D1-109.68 trị giá là 10.000.000 đồng, sau đó chiếm đoạt bán lấy tiền chi tiêu và bỏ trốn. Hành vi này có đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 175 Bộ luật hình sự.

Ngày 30/5/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Sơn, tỉnh P t đã khởi tố vụ án hình sự và ngày 25/6/2020 đã khởi tố bị can đối với Hà Văn C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 175 Bộ luật hình sự và chuyển cho Cơ quan điều tra công an huyện Y l điều tra giải quyết.

Về nguyên nhân, điều kiện, mục đích phạm tội: Vì lười lao động và muốn có tiền nên Hà Văn C đã thực hiện hành vi phạm tội là trộm cắp tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản để lấy tiền phục vụ nhu cầu của bản thân.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, Hà Văn C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Sa Việt Đ ngày 11/5/2019 ở thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn. Do vậy bị can được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” đối với tội “Trộm cắp tài sản”; được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự thú*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” đối với tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm r, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 51/2017/HSST ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử và tuyên phạt C 30 tháng tù và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1, Điều 194 BLHS năm 1999. C đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 24/5/2017 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/12/2018. Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 11/5/2019, C chưa được xóa án tích. Do vậy, các lần phạm tội này của bị can phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Tái phạm*” quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

Vật chứng của vụ án gồm: Số tiền 1.658.000 đồng (gồm: thu giữ của C là 358.000 đồng, thu giữ của anh Lê Quang T: 1.300.000 đồng), 01 sợi dây chuyền mỹ ký bằng kim loại màu vàng, 01 chiếc mũ le màu trắng được xem xét, xử lý trong quá trình giải quyết vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bà Hà Thị T yêu cầu Hà Văn C bồi thường số tiền 3.758.000 đồng và 200.000 đồng giá trị chiếc dây chuyền mỹ ký mà C đã trộm cắp. Anh Sa Việt Đ yêu cầu C bồi thường số tiền 10.000.000 đồng (giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19D1-109.68) mà C đã chiếm đoạt. Đến nay, C vẫn chưa bồi thường bất kỳ khoản tiền gì cho bà T và anh Đ.

Tại biên bản xác minh tài sản và nguồn thu nhập ngày 13/5/2020 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Y l đã tiến hành xác minh tài sản và nguồn thu nhập đối với bị can Hà Văn C. Bị can sống cùng với bố mẹ đẻ, tài sản riêng có giá trị không có. Nguồn thu nhập có được từ việc làm thuê theo mùa vụ, không ổn định.

Hành vi phạm tội của Hà Văn C được chứng minh tại các bút lục số 07- 13, 41- 42, 65- 104 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử :

Tuyên bố bị cáo Hà Văn C (Tức Hà Đ C) phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 điều 173, Điểm s khoản 1 Điều 51, Điểm h Bộ luật hình sự đối với tội “trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm a, khoản 1, Điều 175 điểm r , s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm h, khoản 1, Điều 52, Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự đối với cả hai tội.

Xử phạt bị cáo Hà Văn C (Tức Hà Đ C) từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Hình phạt chung từ 30 đến 36 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với C do không có tài sản gì.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng của vụ án:

Trả lại cho bà Hà Thị T số tiền 1.658.000 đồng (gồm: thu giữ của C là 358.000 đồng, thu giữ của anh Lê Quang T: 1.300.000 đồng), 01 sợi dây chuyền mỹ ký bằng kim loại màu vàng và khâu trừ đi số tiền C phải bồi thường cho bà T.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc mũ le màu trắng.

(có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 589, điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hà Văn C (Tức Hà Đ C) phải bồi thường cho những người sau:

1, Hà Văn C (Tức Hà Đ C) còn phải bồi thường Bà Hà Thị T số tiền là: 2.100.000đ.

2, Anh Sa Việt Đ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19D1-109.68.

- Về án phí bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

1. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan c sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Về căn cứ buộc tội:

Lời khai của bị cáo Hà Văn C (Tức Hà Đ C) tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 22/3/2020, tại nhà ở của gia đình bà Hà Thị T, sinh năm 1963, ở khu Tr N, thị trấn Y l, huyện Y l, Hà Văn C đã có hành vi trộm cắp của gia đình bà Hà Thị T số tiền 3.758.000 đồng và 01 sợi dây

chuyên mỹ ký bằng kim loại màu vàng trị giá 200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Hà Văn C đã trộm cắp là 3.958.000 đồng. Ngày 11/5/2019 tại thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn; có hành vi mượn của anh Sa Việt Đ, sinh năm 1993, ở xóm Vượng, xã Xuân đ, huyện T s 01 chiếc xe mô tô BKS 19D1 – 109.68 trị giá 10.000.000 đồng, sau đó chiếm đoạt bán lấy tiền và bỏ trốn. Hành vi của Hà Văn C đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 175 Bộ luật hình sự. Do vậy quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y 1 đối với bị cáo Hà Văn C (Tức Hà Đ C) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

3. Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nhưng đã xâm hại đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Như vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm.

4. Về nhân thân: Bị cáo Hà Văn C (Tức Hà Đ C) có sức khỏe, nhưng lười lao động, muốn hưởng thụ thành quả lao động của người khác, nên C đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, trộm cắp tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác; Đến nay bị cáo vẫn chưa bồi thường khắc phục hậu quả. Bản thân C có 01 tiền sự và 01 tiền án, nhưng C không lấy đó làm bài học để cải tạo, tu dưỡng trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội, mà tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi đã gây ra, nên cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện rèn luyện tu dưỡng trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

5. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hà Văn C (Tức Hà Đ C) phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm, quy định tại Điểm h, khoản 1, Điều 52 BLHS. Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm s khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm r, s khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự là: Người phạm tội tự thú và Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Trên cơ sở thể hiện sự nghiêm minh và sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo; Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định của Pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cần xem xét một mức án đủ để giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

6. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự còn quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, và khoản 5 điều 175 Bộ luật hình sự còn quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, nhưng bị cáo không có tài sản gì, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình phạt tiền đối với bị cáo.

7. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng của vụ án:

Số tiền 1.658.000 đồng (gồm: thu giữ của C là 358.000 đồng, thu giữ của anh Lê Quang T: 1.300.000 đồng), 01 sợi dây chuyên mỹ ký bằng kim loại màu vàng, Đây là số

tiền tiền và tài sản C trộm cắp của bà T, nên trả lại cho bà T và khấu trừ đi số tiền C phải bồi thường cho bà T.

01 chiếc mũ le màu trắng là tài sản của bị cáo C. Tại phiên tòa bị cáo không nhận lại, vì vậy nên tịch thu tiêu hủy. (có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng).

8. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 589, điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hà Văn C (Tức Hà Đ C) phải bồi thường cho:

1, Hà Văn C (Tức Hà Đ C) còn phải bồi thường Bà Hà Thị T số tiền là: 2.100.000đ.

2, Anh Sa Việt Đ số tiền 10.000.000 đồng (giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19D1-109.68).

Đối với anh Lê Quang T là người được C trả tiền hát Karaoke 1.300.000 đồng từ số tiền C trộm cắp được, Số tiền này cơ quan điều tra đã thu giữ; anh T không yêu cầu trả lại, cũng không yêu cầu C phải bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

Trong vụ án này: Đối với bà Ph Thị Lan ông Sa Đình Trương, bà Xa Thị Đ, anh Lê Quang T là những người được C cho tiền và trả tiền, nhưng đều không biết số tiền này là do C phạm tội mà có. Do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà Lan, bà Đ, ông Trương, anh T là phù hợp .

Đối với Hai người đàn ông khoảng 40 Tuổi, nhưng không rõ tên, địa chỉ cụ thể là người mua chiếc xe mô tô BKS 19D1-109.68 của C, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không làm rõ được.

9. Về án phí: Bị cáo Hà Văn C (Tức Hà Đ C) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 173, Điểm s khoản 1 Điều 51, Điểm h Bộ luật hình sự đối với tội “trộm cắp tài sản”.

Căn cứ Điểm a, khoản 1, Điều 175 điểm r , s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ Điểm h, khoản 1, Điều 52, Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự đối với cả hai tội.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn C (Tức Hà Đ C) phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo: Hà Văn C (Tức Hà Đ C) 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” Và 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Hình phạt chung 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 29/5/2020.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự, Khoản 2, 3 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng của vụ án:

Trả lại cho bà Hà Thị T số tiền 1.658.000 đồng (gồm: thu giữ của C là 358.000 đồng, thu giữ của anh Lê Quang T: 1.300.000 đồng), 01 sợi dây chuyền mỹ ký bằng kim loại màu vàng và khấu trừ đi số tiền C phải bồi thường cho bà T.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/8/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Y 1 và Chi cục THADS huyện Y 1).

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc mũ le màu trắng.

(Có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/8/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Y l và Chi cục THADS huyện Y l).

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 589, điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hà Văn C (Tức Hà Đ C) phải bồi thường cho những người sau:

1, Hà Văn C (Tức Hà Đ C) còn phải bồi thường Bà Hà Thị T số tiền là: 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

2, Anh Sa Việt Đ số tiền là: 10.000.000đ (Mười triệu đồng), giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19D1-109.68.

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả ; lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 3 điều 21 và điểm a, khoản 1 điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Hà Văn C (Tức Hà Đ C) phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 605.000đ (Sáu trăm linh năm nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự. Tổng là 805.000đ (Tám trăm linh năm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh P t để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Bị cáo.
- CA huyện Y l;
- Chi cục THADS huyện Y l;
- THA hình sự.
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN_CHU TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn M